



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI BÌNH**  
**BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM – PHÒNG KẾ HOẠCH KỸ THUẬT**  
Số 2 Đường Trần Thủ Độ, Phường Tiền Phong, TP Thái Bình

Tell: (+84) 02273 831 632

Website: www.capnuocthaibinh.com

Số phiếu kết quả: 02/KQXN.27.02.2025

## BÁO CÁO THỬ NGHIỆM



### I. Thông tin mẫu:

1. Tên mẫu: Nước sinh hoạt

2. Mã mẫu:

17.02.25.A5 (M1): Vòi phát Xi nghiệp nước Tiên Hưng

17.02.25.A6 (M2):GD Cao Khắc Việt - Thôn Tân Lập - Xã Liên Hoa - H. Đông Hưng - TB

17.02.25.A7 (M3):GD Lương Đức Thủy - Thôn Duy Tân - Xã Minh Tân - H. Đông Hưng - TB

3. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai kín Thể tích mẫu: 1000ml

4. Nơi lấy mẫu: Xi nghiệp nước Tiên Hưng

5. Địa chỉ: Thôn Lộ Vị - Xã Thăng Long - Huyện Đông Hưng - Tỉnh Thái Bình.

6. Người gửi mẫu/Lấy mẫu: Trần Ngọc Nam

7. Ngày nhận mẫu: 17/02/2025

8. Thời gian thí nghiệm: 17/02/2025

### II. Kết quả phân tích:

1. Chỉ tiêu hóa lý:

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp	Kết quả			Đơn vị	QCVN 01:1-2018/BYT
			M1	M2	M3		
1.	Màu sắc (*)	Method 8025	< 3	< 3	< 3	mg/L Pt-Co	15
2.	Mùi vị	Cảm quan	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	/	Không có mùi vị lạ
3.	pH (*)	TCVN 6492:2011	6.46	6.45	6.46	/	6.0 → 8.5
4.	Độ đục (*)	TCVN 12402-1:2020	0.074	0.136	0.11	NTU	2
5.	Clo dư (*)	Method 8021	0.27	0.24	0.21	mg/L	0.2 → 1.0
6.	Sắt (Fe) (*)	Method 8008	< 0.02	< 0.02	< 0.02	mg/L	0.3
7.	Mangan (Mn) (*)	Method 8149	0.084	0.078	0.076	mg/L	0.1
8.	Độ cứng tổng (theo CaCO <sub>3</sub> ) (*)	TCVN 6224:1996	256	259	245	mg/L	300
9.	Hàm lượng Amoni	Method 8038	0.13	0.12	0.14	mg/L	0.3

Lưu ý: 1. Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu khách hàng gửi tới

2. Không được sao chép từng phần kết quả này khi chưa được sự đồng ý của BPXN.

3. "\*" Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

4. "\*\*\*" Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

Q.15-F01, Rv01-01/08/2023

1/2



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI BÌNH**  
**BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM – PHÒNG KẾ HOẠCH KỸ THUẬT**

Số 2 Đường Trần Thủ Độ, Phường Tiền Phong, TP Thái Bình

Tell: (+84) 02273 831 632

Website: www.capnuoethaibinh.com

Số phiếu kết quả: 02/KQXN.27.02.2025

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp	Kết quả			Đơn vị	QCVN 01:1-2018/BYT
			M1	M2	M3		
10.	Nitrit ( $\text{NO}_2^-$ tính theo N)	Method 8507	0.005	0.006	0.007	mg/L	0.05
11	Hàm lượng Sulfate ( $\text{SO}_4^{2-}$ )	Method 8051	2	< 2	< 2	mg/L	250
12.	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186:1996	0.08	0.08	0.17	mg/L	2
13.	Hàm lượng muối Clorua	TCVN 6194:1996	233.25	228.29	228.29	mg/L	250 hoặc 300

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp	Kết quả			Đơn vị	QCDP 01:2023/TB
			M1	M2	M3		
14.	Hàm lượng Asen (**)	SMEWW3114 B:2017	<0.65x10 <sup>-3(b)</sup>	<0.65x10 <sup>-3(b)</sup>	<0.65x10 <sup>-3(b)</sup>	mg/L	0.01 <sup>H</sup>

**2. Chỉ tiêu vi sinh:**

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp	Kết quả			Đơn vị	QCDP 01:2023/TB
			M1	M2	M3		
1.	Coliform (**)	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	CFU/100ml	< 3
2.	E.coli (**)	TCVN6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	CFU/100ml	< 1

*Ghi chú:* KPH – không phát hiện.

(b): Giá trị giới hạn phát hiện của phương pháp thử ( LOD)

Giới hạn phát hiện của phương pháp thử E.coli, Coliform: LOD<sub>E.coli, Coliform</sub> : 01CFU/100ml

Thái Bình, ngày 27 tháng 02 năm 2025



Trần Văn Đức

TRƯỞNG PHÒNG KH-KT

Nguyễn Trung Kiên

TRƯỞNG BP XÉT NGHIỆM

Phùng Thị Thu Hà

- Lưu ý:**
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu khách hàng gửi tới.
  - Không được sao chép từng phần kết quả này khi chưa được sự đồng ý của BPXN.
  - \*\* Chi tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.
  - \*\* Chi tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.